



VIETFUND
MANAGEMENT

ĐIỂM TIN THÁNG

Tháng 4/2013

VFM

VIETFUND MANAGEMENT (VFM)

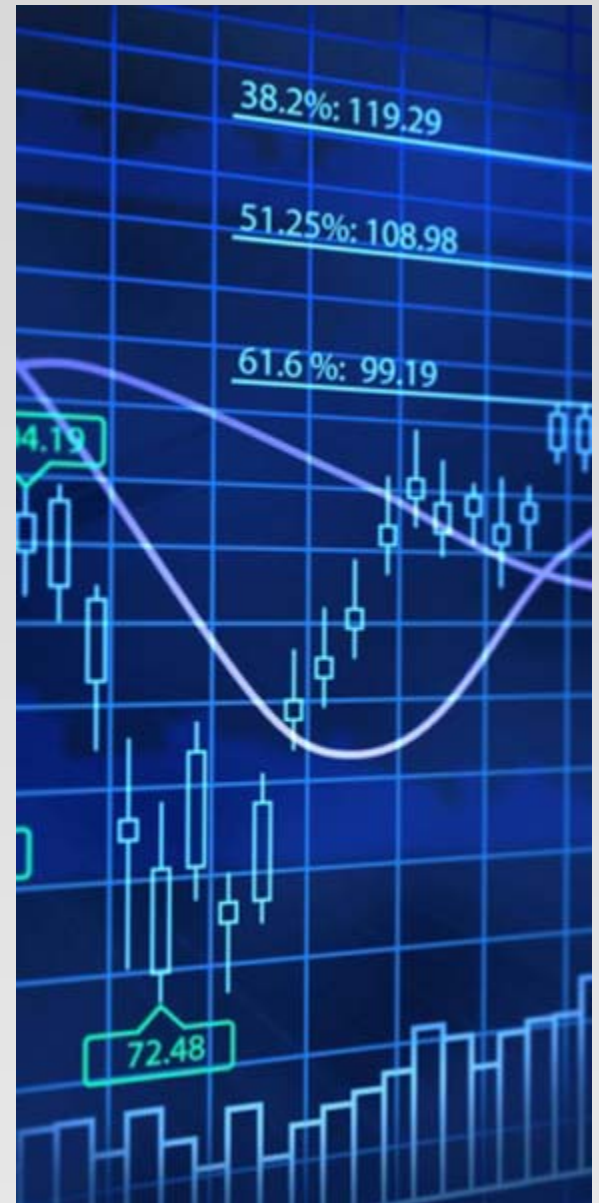
Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VietFund Management-VFM) là công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam chuyên thực hiện quản lý các quỹ đầu tư cho nhà đầu tư cá nhân pháp nhân trong và ngoài nước. Khởi đầu từ năm 2004 với quy mô vốn là 300 tỷ đồng (vốn điều lệ của quỹ VF1), hiện tại VFM đang quản lý tổng tài sản lên đến 200 triệu đôla. Đây là kết quả của quá trình cho ra đời các sản phẩm quỹ mới cũng như các đợt huy động tăng vốn thành công

VFM có đội ngũ quản lý kinh nghiệm lâu năm và khả năng hoạch định các giải pháp đầu tư chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý tài sản này. Với kiến thức chuyên sâu và tầm nhìn chiến lược, các chuyên gia tư vấn tài chính của VFM luôn theo dõi sát sao và phân tích những biến động của thị trường, đồng thời tiến hành nghiên cứu tổng thể và nhạy bén điều chỉnh các cơ cấu danh mục. Từ đó nhiều cơ hội đầu tư mới mở ra và mang lại kết quả tối ưu cho nhà đầu tư.

Các sản phẩm Quỹ đầu tư mà VFM nghiên cứu và đang thực hiện quản lý bao gồm:

- Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)
- Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2)
- Quỹ đầu tư Hàng đầu Việt Nam (VF4)
- Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)

Hoà cùng xu hướng đầu tư trên thế giới bên cạnh việc hành lang pháp lý cho phép, hiện VFM đang nỗ lực hết sức trong việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm Quỹ đầu tư hiệu quả như: Quỹ mở, Quỹ chỉ số, Quỹ ETF,... đáp ứng nhu cầu đầu tư của quý nhà đầu tư trong giai đoạn thị trường và nền kinh tế với nhiều biến chuyển.



TRỤ SỞ CHÍNH:

Phòng 1701—1704, lầu 17, toà nhà Mê linh Point,
Số 02, đường Ngô Đức Kế, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 8 3825 1488 Fax: +84 8 3825 1489

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Phòng 903, lầu 9, Toà nhà HCO
Số 44B, Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 8 3825 1488 Fax: +84 8 3825 1489

QUỸ ĐẦU TƯ

Tên Quỹ	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)
Tên tiếng Anh	Viet Nam Securities Investment Fund
Mã giao dịch	VFMVF1
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	1.000.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	100.000.000 đvq
Ngày thành lập	20/05/2004
Ngày niêm yết	08/11/2004
Thời gian hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý Quỹ	CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương (Vietcombank)
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí lưu ký	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
Phí giám sát	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% thuế VAT)
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.

VF1

Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 4/2013

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 4/2013 giảm nhẹ về thị giá và thanh khoản do các yếu tố hỗ trợ từ vĩ mô và chính sách vẫn chưa phát huy tác dụng.

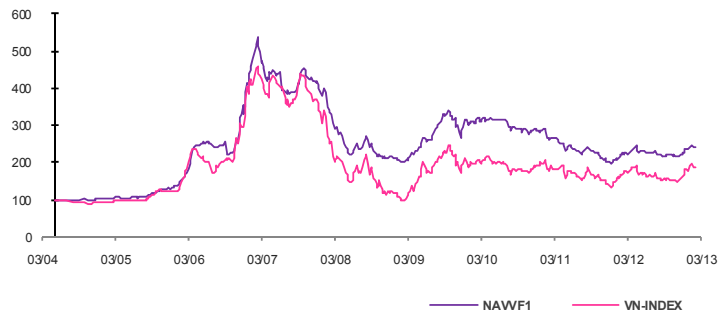
Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/04/2013, VN-Index và HNX-Index lần lượt đạt 474,51 điểm và 58,36 điểm, giảm -3,4% NAV và giảm -3,1% NAV trong tháng 4. Trong khi đó quỹ đầu tư VF1 ghi nhận mức giảm -1,6% NAV trong tháng, chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 đạt 17.069,9 đồng/chứng chỉ quỹ.

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	30/4/2013			Tăng trưởng (%)				Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng		
VF1	10.000	1.707,0	17.070	(1,6)	0,6	16,6	11,6	12,3	70,7
VN - Index			474,51	(3,4)	(1,1)	22,2	14,5	14,7	81,4
HNX - Index			58,36	(3,1)	(6,8)	10,1	(15,7)	2,2	(41,6)

(*) Không bao gồm cổ tức đã chốt trả cho NĐT

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng Index 20/05/2004 = 100



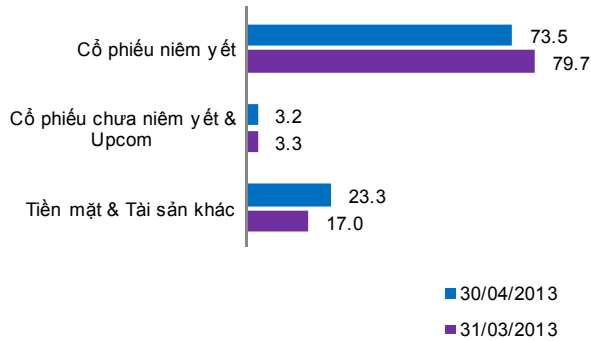
5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
VNM	HOSE	18,3
DPM	HOSE	13,0
FPT	HOSE	6,5
PVD	HOSE	4,7
MSN	HOSE	3,4

Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2013	11,6	(2,0)	4,4	(1,6)									12,3	41,6
2012	4,9	10,2	(0,6)	10,7	(5,2)	(0,9)	(1,4)	(1,7)	(3,4)	0,7	(2,0)	6,0	17,1	17,1
2011	2,2	(10,7)	(1,8)	(5,2)	(10,2)	1,6	(4,7)	4,5	(3,1)	(3,1)	(12,7)	(3,6)	(38,9)	(38,9)
2010	(0,8)	0,6	2,3	7,0	(4,6)	0,2	1,3	(7,9)	(0,2)	(0,6)	(3,9)	1,4	(8,2)	(8,2)
2009	(1,4)	(7,5)	4,5	8,6	10,7	8,4	7,7	14,3	8,5	(0,6)	(8,6)	1,5	50,9	50,9
2008	(6,0)	(15,0)	(15,7)	(9,0)	(20,0)	(4,2)	6,7	14,2	(9,7)	(14,0)	(1,0)	0,6	(55,8)	(55,8)
2007	25,0	47,6	33,0	19,9	24,9	0,1	(3,5)*	(2,1)	5,8	8,8	(4,2)	(2,1)	46,1*	46,1*
2006	6,0	14,7	10,3	33,5	4,0	3,2	(8,4)	1,3	4,7	(4,4)*	15,2	31,0	175,1*	175,1*
2005	0,04	2,4	1,1	(2,4)	0,2	0,5	0,2	3,5	5,6	5,8	4,7	1,2	25,2	25,2
2004						1,0	(0,6)	(0,2)	0,3	0,6	(0,2)	0,6	1,6	3,2

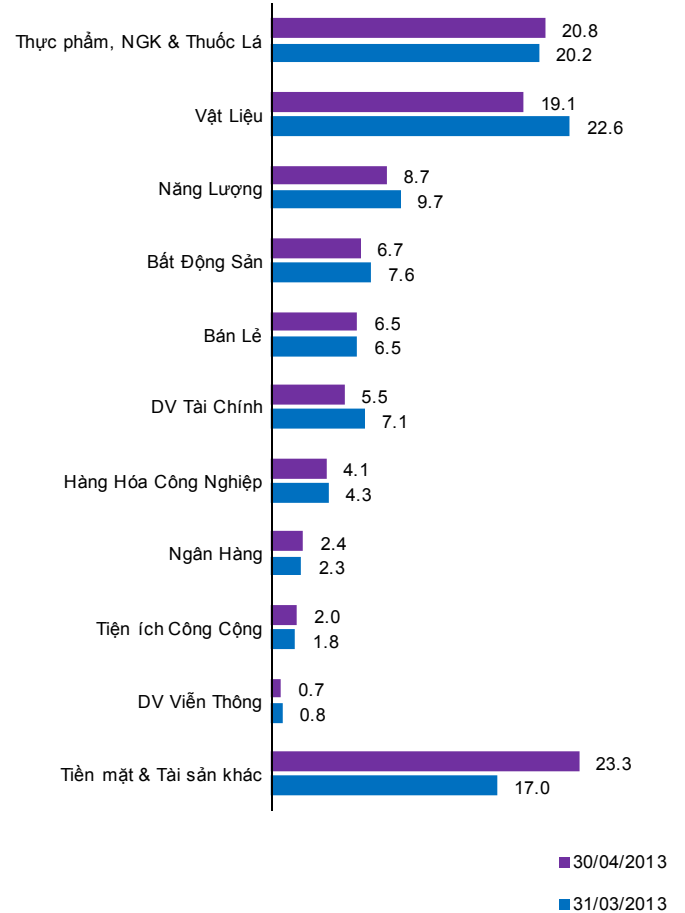
(*): tính trên vốn bình quân

Phân bổ tài sản (%)



Trong tháng 4/2013, tỷ trọng cổ phiếu niêm yết giảm từ 79,7% NAV xuống còn 73,5% NAV tại 30/04/2013, trong khi đó tỷ trọng Cổ phiếu chưa niêm yết & Upcom giảm nhẹ xuống 3,2% NAV, tỷ trọng tiền mặt tăng từ 17,02% NAV tại 31/03/2013 lên 23,3% NAV tại 30/04/2013 do hoạt động thanh toán trong kỳ.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Trong tháng 4, quỹ đầu tư VF1 đã thanh toán ròng các cổ phiếu ngành Vật liệu, Năng lượng, Dịch vụ Tài chính và cùng với sự sụt giảm thị giá các cổ phiếu, tỷ trọng của các ngành này giảm mạnh xuống lần lượt còn 19,1% NAV, 8,7% NAV và 5,5%NAV. Trong khi đó tỷ trọng của các ngành khác hầu như không thay đổi nhiều so với tháng trước. Do hoạt động thanh toán ròng, tỷ trọng tiền mặt cũng tăng lên 23,3 %NAV.

Tính đến thời điểm 30/04/2013, danh mục đầu tư của quỹ VF1 bao gồm 23 cổ phiếu thuộc 10 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất bao gồm:

- Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá (20,8%)
- Vật Liệu (19,1%)
- Năng Lượng (8,7%)
- Bất Động Sản (6,7%)
- Bán Lê (6,5%)

QUỸ ĐẦU TƯ

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu
Tên tiếng Anh	Vietnam Blue-chips Fund
Mã giao dịch	VFMVF4
Hình thức Quỹ	Quỹ công chứng dạng đóng
Vốn điều lệ	806.460.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	80.646.000 đvq
Ngày thành lập	28/02/2008
Ngày niêm yết	12/06/2008
Thời gian hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý Quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí giám sát & lưu ký	0,08%/NAV/năm
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư vào quá trình cổ phần hoá của các doanh nghiệp lớn của nhà nước; cổ phần của các công ty có giá trị cao, sự tăng trưởng đều qua nhiều năm và có xu hướng tiếp tục sinh lợi nhuận đều

5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
VNM	HOSE	19,6
DPM	HOSE	14,1
FPT	HOSE	9,2
MSN	HOSE	6,5
VCB	HOSE	5,9

VF4

Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 4/2013

Trong tháng 4/2013, thị trường chứng khoán đã có sự điều chỉnh và giảm nhẹ. Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/04/2013, VN-Index đạt 474.51 điểm, giảm -3.4% trong tháng trong khi HNX-Index đạt 58.36 điểm, giảm -3.1% so với cuối tháng 3/2013.

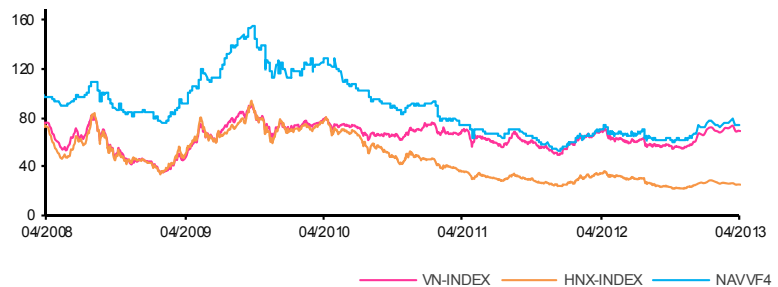
Trong kỳ, NAV của Quỹ đạt 7.474,6 đồng/chứng chỉ quỹ, giảm -2.3% trong tháng 4.

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	30/04/2013			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVF4	806,5	602,8	7.475	(2,3)	(1,9)	19,8	12,5	12,9	(5,3)
VN - Index			474,51	(3,4)	(1,1)	22,2	14,5	14,7	(30,9)
HNX - Index			58,36	(3,1)	(6,8)	10,1	(15,7)	2,2	(74,9)

(*) Đã bao gồm cổ tức đã chốt trả cho NĐT

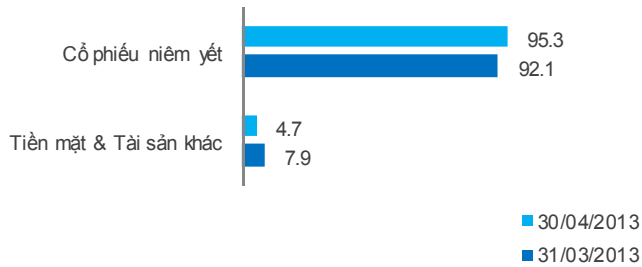
Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng Index 28/02/2008 = 100



Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2013	15,1	(3,7)	4,2	(2,3)									12,9	43,9
2012	6,0	8,3	2,1	9,5	(5,3)	(0,2)	(0,7)	(3,6)	(3,7)	1,1	(1,5)	7,7	20,2	20,2
2011	1,0	(13,0)	(3,1)	(4,3)	(12,0)	2,4	(0,6)	3,2	(1,5)	(3,2)	(11,7)	5,1	(39,9)	(39,9)
2010	(3,4)	1,6	3,3	8,0	1,4	(0,8)	(4,1)	(9,4)	(10,7)	(2,2)	(3,3)	4,9	(13,1)	(13,1)
2009	(1,3)	(9,0)	8,3	11,2	13,0	6,5	7,6	16,6	6,1	(1,4)	(13,2)	0,5	48,9	48,9
2008			(2,0)	(0,9)	(5,7)	0,4	6,3	11,5	(8,5)	(12,7)	(3,7)	1,7	(17,4)	(17,4)

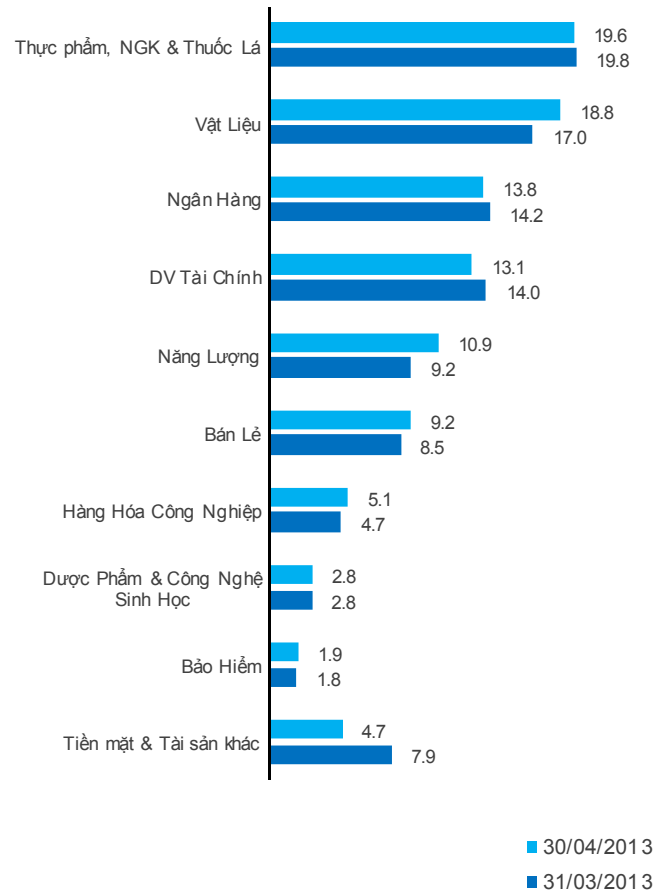
(*): tính trên vốn bình quân

Phân bổ tài sản (%)



Hoạt động giải ngân ròng trong tháng 4/2013 đã làm tỷ trọng cổ phiếu niêm yết tăng từ 92,1% NAV lên 95,3% NAV tại ngày 30/04/2013, đồng thời tỷ trọng tiền mặt giảm xuống 4,7% NAV tại ngày 30/04/2013.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Thứ tự trong phân bổ tài sản theo ngành của Quỹ đầu tư VF4 không có nhiều thay đổi so với cuối tháng 3.

Trong tháng, quỹ đã tiến hành giải ngân ròng, qua đó tỷ trọng các ngành Vật liệu và Năng lượng lần lượt tăng 1,8% NAV và 1,7% NAV so với tháng 3. Trong khi tỷ trọng các ngành Ngân hàng, Dịch vụ Tài chính thì giảm nhẹ do thị giá cổ phiếu giảm trong kỳ.

Tính đến thời điểm 30/04/2013, danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VF4 bao gồm 16 cổ phiếu thuộc 9 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất bao gồm:

- Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá (19,6%)
- Vật Liệu (18,8%)
- Ngân Hàng (13,8%)
- Dịch vụ Tài Chính (13,1%)
- Năng Lượng (10,9%)

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong báo cáo được công ty VFM xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng. Tuy nhiên, công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong bản báo cáo này. Quan điểm, dự báo và các ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của công ty VFM và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các vấn đề thuộc các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

